

Số: 2917/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục dự án nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1020/TTr-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2024; Ủy ban nhân dân huyện Phù Yên tại Tờ trình số 484/TTr-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phù Yên với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Chỉ tiêu diện tích các loại đất trong năm kế hoạch 2025

(chi tiết có biểu số 01 kèm theo)

2. Chỉ tiêu diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025

(chi tiết có biểu số 02 kèm theo) *wt*

3. Chỉ tiêu diện tích thu hồi đất năm 2025

(chi tiết có biểu số 03 kèm theo)

4. Chỉ tiêu đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025

(chi tiết có biểu số 04 kèm theo)

5. Danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm 2025

(chi tiết có biểu số 05 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Phù Yên

a) Tổ chức công bố, công khai, bàn giao lưu trữ sản phẩm kế hoạch sử dụng đất năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai. Tuyên truyền pháp luật đất đai để người sử dụng đất nắm vững các quy định của pháp luật, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, số liệu, quy trình lập, trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất huyện Phù Yên năm 2025; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước.

c) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

d) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về xác định ranh giới, tính chính xác và không gian sử dụng đất; công khai diện tích bảo vệ đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận theo thẩm quyền và quy định của pháp luật làm căn cứ để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh.

đ) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, phát hiện xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về sử dụng đất, không để xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm; kiên quyết không giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất đối với các trường hợp không có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt *(trong đó, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở phải gắn với xây dựng nhà ở)*.

e) Theo dõi, tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kết quả thực hiện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện. *wt*

Báo cáo kết quả về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 15/10/2025 để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, thanh tra, giám sát quá trình triển khai, tổ chức thực hiện của cấp huyện; kiên quyết không giải quyết hoặc tham mưu giải quyết việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất đối với các trường hợp không có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, xử lý các trường hợp đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng, sử dụng sai mục đích.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành của tỉnh tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện theo quy định của pháp luật Đất đai (nếu cần thiết).

c) Chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, số liệu, quy trình thủ tục trình phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước. Đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, xử lý theo quy định.

3. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND huyện Phù Yên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./. *ust*

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các Sở, ban, ngành;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Các phòng: TH, KT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Thiện 25 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu

M

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM KẾ HOẠCH 2025
HUYỆN PHÙ YÊN - TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã vùng đất	Phân theo đơn vị hành chính																											
			Xã Mường Thôn	Xã Mường Cốt	Xã Tân Lương	Xã Mường Lạng	Xã Mường Bang	Xã Mường Đo	Thị trấn Pha Yên	Xã Huy Hỷ	Xã Huy Bắc	Xã Huy Tường	Xã Huy Thượng	Xã Huy Tân	Xã Quang Huy	Xã Tường Pha	Xã Già Pha	Xã Tân Thượng	Xã Tường Tân	Xã Sập Xã	Xã Đa Đa	Xã Tân Phong	Xã Tường Phong	Xã Bắc Phong	Xã Nam Phong	Xã Suối Tơ	Xã Suối Bầu	Xã Kìm Bôn		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NN/PNN	44,71	1,09	1,44	0,53	0,40	1,92	0,40	0,95	7,59	0,96	0,54	1,71	0,60	2,08	0,73	0,95	0,25	0,61	0,24	2,42	6,74	0,29	0,24	0,07	0,21	0,12	1,11	7,53
1.1	Đất trồng lúa	HN/PNN	1,26	0,04	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,11	-	-	-	0,11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1.1	Trong đó: Đất chuyển trồng lúa nước	LNC/PNN	1,26	0,04	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	20,35	0,30	0,51	0,20	0,25	1,12	0,30	0,40	0,30	0,30	0,15	1,36	0,25	0,40	0,20	0,35	0,10	0,20	0,10	0,99	5,49	0,05	0,09	0,03	0,02	0,05	0,88	5,96
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	5,36	0,40	0,28	0,15	0,10	0,60	0,07	0,55	0,20	0,42	0,25	0,11	0,20	0,30	0,28	0,40	0,10	0,20	0,10	0,03	0,04	0,19	0,08	0,04	0,02	0,02	0,20	0,04
1.4	Đất rừng phòng hộ	RHP/PNN	7,77	-	0,52	-	-	0,18	-	2,78	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,37	1,21	-	0,02	-	0,16	-	-	1,53
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSP/PNN	5,16	0,15	0,05	0,08	0,03	0,02	0,03	-	4,16	0,04	0,05	0,05	0,05	-	0,05	0,05	0,05	0,04	0,04	0,03	-	0,05	0,05	-	0,01	0,05	0,03	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,80	0,20	0,08	0,10	0,02	-	-	0,15	0,20	0,09	0,19	0,10	0,10	0,27	0,20	0,15	-	0,05	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKN/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đất cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trong đó:																														
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất trồng cây hàng năm chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RHP/NNK ^o	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NNK ^o	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSP/NNK ^o	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,07	-	-	-	-	-	-	0,07	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

100%

list

Dom vi tinh: ha

STT	Chi tiêu cơ bản nhất	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																										
		Phong diện Đất Đền	Xã Hương Tân	Xã Tân Lương	Xã Mường Bằng	Xã Mường Đa	Thị trấn Phố Mới	Xã Hương Hạ	Xã Hương Bắc	Xã Hương Trung	Xã Hương Tân	Xã Quảng Hưng	Xã Trường Pháo	Xã Cồn Pháo	Xã Trường Hạ	Xã Trường Tân	Xã Sập Xã	Xã Bả Bó	Xã Tân Phong	Xã Bắc Phong	Xã Nam Phong	Xã Suối Tơ	Xã Suối Bùn	Xã Kim Bùn				
A	B	14.4.1.1	10.21	19.40	10.00	10.00	0.47	0.07	0.25	10.00	0.15	-	-	-	-	-	-	-	-	0.21	0.18	-	20.10	20.00	20.00			
1	Bất động sản	100.00	10.00	10.00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.00	20.00	20.00			
1.1	Đất trồng lúa	100.00	10.00	10.00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1.1.1	Trồng cây lâu năm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1.2	Đất rừng cây lâu năm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1.3	Đất rừng cây lâu năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1.4	Đất rừng phòng hộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1.5	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1.6	Đất rừng sản xuất	100.00	10.00	10.00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.00	20.00	20.00	20.00			
1.7	Đất ở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1.7.1	Đất nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1.8	Đất nông nghiệp khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2	Bất động sản	14.11	0.21	9.40	3.07	-	0.47	0.07	0.25	-	0.15	-	-	-	-	-	-	-	-	0.21	0.18	-	0.10	-	-			
2.1	Bất động sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2.2	Bất động sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2.3	Bất động sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2.4	Bất động sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2.5	Bất động sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2.6	Bất động sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2.7	Bất động sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2.8	Bất động sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2.9	Bất động sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
-	Đất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-												



DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN PHÙ YÊN - TỈNH SON LA

(Kèm theo Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	HÀNG MỤC	Địa điểm (đến cấp xã)	Mã	Diện tích quy hoạch ha	Diện tích hiện trạng ha	Tăng thêm		Căn cứ pháp lý
						Diện tích ha	Sử dụng vào loại đất	
A	Dự án phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh							
I	Dự án chuyển tiếp năm 2024							
1	Thao trường quân sự cấp đại đội bộ binh xã Huy Hạ	Huy Hạ	CQP	2,91		2,91	RPH, SON	Nghị quyết số 293/NQ-HĐND ngày 31/01/2024 của HĐND tỉnh Sơn La
2	Trụ sở công an xã Mường Thai	Mường Thai	CAN	0,10		0,10	LUC 0,04 ha; TSC 0,06 ha	Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 13/7/2022
3	Trụ sở công an xã Huy Thượng	Huy Thượng	CAN	0,16		0,16	NTS, DYT, CLN	QĐ số 2800/QĐ-UBND ngày 15/11/2012 của UBND tỉnh Sơn La
4	Trụ sở công an xã Tường Thượng	Tường Thượng	CAN	0,15		0,15	LUC, NHK, DGT	Nghị quyết số 337/NQ-HĐND ngày 14/6/2024 của HĐND tỉnh Sơn La
5	Trụ sở công an xã Huy Hạ	xã Huy Hạ	CAN	0,10		0,10	TSC	Thông báo số 5715/TB-H01-P3 của Bộ Công an
6	Trụ sở công an xã Nam Phong	Nam Phong	CAN	0,16		0,16	RPH, CLN	Nghị quyết số 336/NQ-HĐND ngày 14/6/2024 của HĐND tỉnh Sơn La
7	Trụ sở công an xã Suối Bau	xã Suối Bau	CAN	0,11		0,11	HNK	Công văn số 783/CAT-PH10 ngày 09/5/2022 về việc cập nhật nhu cầu sử dụng đất an ninh vào QHSD đất thời kỳ (2021-2030) và kế hoạch năm

WJ

STT	HÀNG MỤC	Địa điểm (đến cấp xã)	Mã	Diện tích quy hoạch ha	Diện tích hiện trạng ha	Tăng thêm		Căn cứ pháp lý
						Diện tích ha	Sử dụng vào loại đất	
II	Dự án mới năm 2025							
	Không có							
B	Dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng							
I	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất							
II	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất, chuyển mục dịch sử dụng đất							
I	Dự án chuyển tiếp năm 2024							
1.1	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai, khắc phục sạt lở bản Lao, xã Mường Bang, huyện Phù Yên	Mường Bang	ONT	1,98		1,98	RPH; NHK; DGT	Nghị quyết số 404, số 405/NQ- HDND ngày 29/10/2024 của HDND tỉnh Sơn La
1.2	NC đường GT liên bản Từ bản Thài đi hết bản Giáp Đất - Xã Mường Thài	Mường Thài	DGT	0,25		0,25	NHK	Nghị quyết số 150/NQ-HDND ngày 08/12/2022 của HDND tỉnh Sơn La
1.3	NC đường GT liên xã từ bản Nà Khảm xã Gia Phú - TT xã Suối Bau	Suối Bau	DGT	0,65		0,65	NHK: 0,45 ha, CSD: 0,20 ha	Nghị quyết số 150/NQ-HDND ngày 08/12/2022 của HDND tỉnh Sơn La
1.4	Trường THCS, THPT chất lượng cao Bình Minh tại huyện Phù Yên	Quang Huy	DGD	1,19		1,19	LUC, SON, DGT, CSD	Nghị quyết số 381/NQ-HDND ngày 2/10/2024 của HDND tỉnh Sơn La
1.5	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai bản Suối Tre, bản Bèo Xã Tường Phong, huyện Phù Yên	Tường Phong	ONT	4,27	4,25	0,02	HNK; DGT; RPH	Nghị quyết số 404, số 405/NQ- HDND ngày 29/10/2024 của HDND tỉnh Sơn La

vut

STT	HÀNG MỤC	Địa điểm (đến cấp xã)	Mã	Diện tích quy hoạch ha	Diện tích hiện trạng ha	Tăng thêm		Căn cứ pháp lý
						Diện tích ha	Sử dụng vào loại đất	
1.6	Cung cấp đường tiền-xã Đả Đò - Kim Bón huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Xã Đả Đò, Kim Bón, Sập Xa	DGT	16,35		16,35	RPH (4,11 ha); HNK; DGT	Nghị quyết số 334/NQ-HĐND ngày 14/6/2024 của HĐND tỉnh Sơn La
2	Dự án mới năm 2025							
	Không có dự án mới							
C	Dự án khai thác quỹ đất, đấu giá đất ở							
1	Khu đô thị Công viên 02/9 mở rộng (lô đất còn lại)	Huy Bắc	ODT	0,42		0,03	ODT	Kế hoạch khai thác quỹ đất của huyện năm 2025
2	Khu đất gần trụ sở UBND xã Mường Cỏi	Mường Cỏi	ONT	0,054		0,054	CSD	Kế hoạch khai thác quỹ đất của huyện năm 2025
3	Khu đất Trung tâm giáo dục lao động huyện (cũ)	Mường Thả	ONT	0,11		0,11	CSD	Kế hoạch khai thác quỹ đất của huyện năm 2025
4	Đấu giá Khu đô thị Đồng Đa, thị trấn Phù Yên	Phù Yên, Huy Hạ, Huy Bắc	ODT	1,52	1,41	0,11	ODT	Kế hoạch khai thác quỹ đất của huyện năm 2025
5	Chính trang phát triển khu dân cư bản Phố	Huy Bắc	ODT	0,11		0,07	CSD	Kế hoạch khai thác quỹ đất của huyện năm 2025
6	Khu đất chợ thực phẩm tươi sống (các lô đất còn lại)	Xã Huy Bắc	ODT	0,08		0,08	ODT	Kế hoạch khai thác quỹ đất của huyện năm 2025
7	Nhà khách UBND huyện (cũ)	Thị trấn Phù Yên	ODT	0,07		0,07	TSC	Kế hoạch khai thác quỹ đất của huyện năm 2025
8	Đấu giá đất ở (Khu Bến xe trung tâm mới)	Xã Huy Hạ	ODT	1,08		0,08	CSD	Kế hoạch khai thác quỹ đất của huyện năm 2025
9	Thửa đất khu đô thị Hồ truyền thống Noong Bua – Quang Huy	Xã Quang Huy	ODT	0,01		0,01	ODT	Kế hoạch khai thác quỹ đất của huyện năm 2025

STT	HÀNG MỤC	Địa điểm (đến cấp xã)	Mã	Diện tích quy hoạch ha	Diện tích hiện tràng ha	Tăng thêm		Căn cứ pháp lý
						Diện tích ha	Sử dụng vào loại đất	
D	Công trình dự án chuyển mục đích-sử dụng đất, gồm: dự án không phải thu hồi, GPMB; dự án đầu tư để lựa chọn nhà đầu tư; dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất							
1	Cửa hàng xăng dầu số 02 - Tiến Anh	Mường Bang	TMD	0,06		0,06	CLN: 0,02 ha, ONT: 0,04 ha	QĐ số 4071/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh Sơn La
2	Dự án khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Văn Cỏi	Mường Cỏi	SKS	2,78	2,15	0,63	NHK 0,11 ha; RPH 0,52 ha	Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh Sơn La
3	Mỏ đất làm gạch, ngói khu vực đồi Chằm Khí, bản Chằm Chải xã Huy Thượng huyện Phù Yên	Huy Thượng	SKX	1,13		1,13	NHK	QĐ số 449/QĐ-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh Sơn La v/v phê duyệt KH đầu giá quyền khai thác KS làm VLXD thông thường
4	Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Nà Lù 2 (nay là bản Nà Lò 2), xã Huy Hạ huyện Phù Yên	Huy Hạ	SKS	4,10		4,10	RSX	Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La v/v điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng KS làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La
5	Sỏi Việt An (Nam Định) khu bản Chất xã Gia Phú	Xã Gia Phú	SKN	1,01		1,01	SKN	QĐ số 2819/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La
6	Khu đất Thương mại (Khu đô thị Đồng Đa)	Xã Huy Hạ	TMD	0,74		0,39	CSD	QĐ số 874/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La

vux

STT	HÀNG MỤC	Địa điểm (đến cấp xã)	Mã	Diện tích quy hoạch ha	Diện tích hiện trạng ha	Tăng thêm		Căn cứ pháp lý
						Diện tích ha	Sử dụng vào loại đất	
E	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích							
1	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Huy Hạ	Xã Huy Hạ	NNP	4,11		4,11	LUC, NTS	
2	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Huy Thượng	Huy Thượ g	NNP	3,33		3,33	LUC, NTS	
3	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Tường Hạ	ã Tường H	NNP	1,50		1,50	NTS	
4	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Tường Thượng	ường Thu	NNP	7,49		7,49	A, HNK, CLN, N	
5	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Huy Bắc	xã Huy Bắc	NNP	1,888		1,888	NTS	
6	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Huy Tân	xã Huy Tân	NNP	6,22		6,22	A, NTS, CLN, HN	
F	DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN TIẾP TỤC HOÀN THIỆN HỒ SƠ ĐỂ THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025							
1	Trụ sở công an xã Gia Phú	Gia Phú	CAN	0,10		0,10	DGD	ngày 12/10/2021 của HĐND tỉnh
2	Trụ sở công an xã Tân Phong	Tân Phong	CAN	0,14		0,14	CLN	Hoàn thiện thủ tục cấp GCNQSD
3	Trụ sở công an thị trấn Phú Yên	Thị trấn Phú Yên	CAN	0,11		0,11	LUC 0,04 ha; TSC 0,06 ha	Hoàn thiện thủ tục cấp GCNQSD
4	Trụ sở công an xã Tường Phú	Tường Phú	CAN	0,10		0,10	DGD	Hoàn thiện thủ tục cấp GCNQSD
5	Trụ sở công an xã Mường Lang	Mường Lang	CAN	0,11		0,11	NTS 0,05 ha, DYT 0,08 ha; CLN 0,01 ha	Hoàn thiện thủ tục cấp GCNQSD
6	Trạm y tế xã Suối Tọ	Suối Tọ	DYT	0,15		0,15	DCS	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy

WXT

STT	HÀNG MỤC	Địa điểm (đến cấp xã)	Mã	Diện tích quy hoạch ha	Diện tích hiện trạng ha	Tăng thêm		Căn cứ pháp lý
						Diện tích ha	Sử dụng vào loại đất	
7	Trụ sở công an xã Bắc Phong	Bắc Phong	CAN	0,18		0,18	CSD	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
8	Trụ sở công an xã Huy Tân	Huy Tân	CAN	0,15		0,15	LUC	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
9	Trụ sở công an xã Mường Do	Mường Do	CAN	0,22		0,22	DYT	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
10	Trụ sở công an xã Mường Bang	Mường Bang	CAN	0,12		0,12	TSC: 0,045 ha; DYT: 0,07 ha	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
11	Trụ sở công an xã Tường Tiến	Tường Tiến	CAN	0,09		0,09	DYT 0,06 ha; TSC 0,03 ha	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
12	Trụ sở công an xã Tường Phong	xã Tường Phong	CAN	0,20		0,20	CLN	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
13	Trụ sở công an xã Sập Xa	Sập Xa	CAN	0,11		0,11	TSC	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
14	Trụ sở công an xã Tân Lang	xã Tân Lang	CAN	0,12		0,12	TSC	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
15	Trụ sở công an xã Tường Hà	Tường Hà	CAN	0,10		0,10	DGT	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
16	Trụ sở công an xã Mường Cỏi	Mường Cỏi	CAN	0,08		0,08	CSD	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
17	Trụ sở công an xã Đá Đò	Đá Đò	CAN	0,12		0,12	TSC	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
18	Trụ sở công an xã Huy Tường	Huy Tường	CAN	0,23		0,23	LUC, LUK	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
19	Trụ sở công an xã Suối Tọ	xã Suối Tọ	CAN	0,10		0,10	HNK, CSD	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
20	Trụ sở công an xã Kim Bon	xã Kim Bon	CAN	0,10		0,10	HNK	Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy CNQSD đất
21	Sửa chữa cấp nước khu vực phía quả, thiên tai, đảm bảo giao thông bước 2 đối với Km402+649- Km403+741	Suối Tọ	DGT	2,72		2,72	LUC; NHK; SON	Nghị quyết 335/NQ-HĐND tỉnh Sơn La ngày 14/6/2024 của HĐND tỉnh Sơn La
22	Thủy điện Suối Lèo	Tân Lang, Mường Cỏi	DNL	12,42	12,06	0,36	LUC; LUK; HNK; CLN; SON; NTS; DGT, DTL CSD	Nghị quyết số 381/NQ-HĐND ngày 2/10/2024 của HĐND tỉnh Sơn La

10.4

STT	HẠNG MỤC	Địa điểm (đến cấp xã)	Mã	Diện tích quy hoạch ha	Diện tích hiện trạng ha	Tăng thêm		Căn cứ pháp lý
						Diện tích ha	Sử dụng vào loại đất	
23	Định canh định cư Suối Thinh	Suối Bau	ONT	2,00		2,00	HNK	Hoàn thiện thủ tục về đất đai
24	Định canh định cư bản Khoai Lang	Mường Thài	ONT	2,04	1,54	0,50	LUC, CLN	Hoàn thiện thủ tục về đất đai
25	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Sơn La	Mường Do, Huy Thượng, Suối Tọ, Gia Phú, Mường Cỏi, Đả Đò, Huy Tường, Tường Tiến, Huy Tân, Huy Hạ, Tường Thượng, Tân Lang, Mường Lang, Tường Phong, Mường Thài	DNL	0,13		0,13	HNK	Nghị quyết số 250/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Sơn La
26	Trạm y tế xã Mường Cỏi	Mường Cỏi	DYT	0,09		0,09	CLN	Nhu cầu xã (Đổi diện chợ TT xã)
27	Trạm y tế xã Huy Thượng	Huy Thượng	DYT	0,12		0,12	DGD	Điều chuyển tài sản
28	Dự án cửa hàng Xăng dầu Mường Cỏi (Petrolimex- cửa hàng số 226)	Mường Cỏi	TMD	0,10		0,10	TSC	Hoàn thiện thủ tục cấp GCNQSD đất
29	Cây xăng Mường Thài	Mường Thài	TMD	0,15		0,15	HNK	Hoàn thiện thủ tục cấp GCNQSD đất
30	Bố trí đất ở cho các hộ bị thiên tai bản Suối Lúa, Đả Mải xã Nam Phong	Nam Phong	ONT	2,00		2,00	HNK	Dự án khắc phục thiên tai

STT	HÀNG MỤC	Địa điểm (đến cấp xã)	Mã	Diện tích quy hoạch ha	Diện tích hiện trạng ha	Tăng thêm		Căn cứ pháp lý
						Diện tích ha	Sử dụng vào loại đất	
31	Nâng cấp mở rộng đường từ QL37 đến Đội Thông Nông Cốc	Quang Huy	DGT	0,20		0,20	RPN	Nghị quyết số 05/NQ-HU ngày 16/7/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Yên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2021-2025
32	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ QL 37 đến điểm Du lịch Suối Chiếu	Mường Thái	DGT	0,40		0,40	HNK: 0,20; CLN: 0,20	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 16/7/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Phú Yên lần thứ XX, nhiệm kỳ 2021-2025
33	Thu hồi đất mỏ đá Tân Viên bản Văn Cỏi	Mường Cỏi	SKS	1,45		1,45	SKS	Vốn Doanh nghiệp
34	Thu hồi bỏ sung đất xây dựng thủy điện Suối Sập 1	Suối Tọ	DNL	2,90		2,90	SON: 1,16 ha, DCS: 1,74 ha	Tờ trình số 29/Tr- CTXT ngày 2/10/2021 của Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình (Hoàn thiện hồ sơ thu hồi đất)
35	Đầu giá lựa chọn nhà đầu tư Bến xe khách Phú Yên (Phía nam thị trấn)	Huy Hạ	DGT	1,04		1,04	LUC	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh
36	Dự án thu hái bảo tồn, nhân giống và chế biến được liệu tại khu đồng An xã Mường Lang	Mường Lang	NHK, CLN	90,00		90,00	NHK, CLN	Nguồn vốn của Doanh nghiệp
37	Khu du lịch sinh thái gần với tâm linh đôi thông Nông Cốc	Quang Huy	TMD	3,00		3,00	RPT	Nguồn vốn của Doanh nghiệp
38	QH đất xây dựng Chùa Phú Yên	Quang Huy, Huy Bắc, TT Phú Yên	TON	2,24		2,24	RPN(1,41ha); RSX(0,80 ha); ODT(0,03ha)	Nguồn vốn của Doanh nghiệp
39	Dự án Trang trại chăn nuôi lợn và trồng cây lâu năm tại khu Đồng An xã Mường Lang	Mường Lang	NKH	30,34		30,34	NHK, CLN	Nguồn vốn của Doanh nghiệp
40	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi và khu chăn nuôi tập trung bản Khảo xã Tường Hạ	Tường Hạ	SKC, NKH	25,00		25,00	LUC, NTS, RSX, NHK, CLN	Nguồn vốn của Doanh nghiệp

104

STT	HÀNG MỤC	Địa điểm (đến cấp xã)	Mã	Diện tích quy hoạch ha	Diện tích hiện trạng ha	Tăng thêm		Căn cứ pháp lý
						Diện tích ha	Sử dụng vào loại đất	
41	Thực hiện dự án đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất Công ty TNHH Nhà nước một thành viên lâm nghiệp Phú Yên giao cho địa phương quản lý	Xã Quang Huy, Huy Bắc, Mường Cói, Tân Lang, Mường Do và thị trấn Phú Yên		287,58		287,58		Quyết định số 3499/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND huyện Phú Yên về việc phê duyệt chủ trương thực hiện dự án “Đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với đất của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Lâm nghiệp Phú Yên giữ lại và đất chuyển giao cho địa phương quản lý”;



wif